



## **Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2023

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt  
Thông tin chung**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán  
Chứng chỉ Quỹ ra công chúng số**

02/GCN-UBCK

ngày 10 tháng 1 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán Chứng chỉ Quỹ ra Công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập  
Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở số**

11/GCN-UBCK

ngày 15 tháng 5 năm 2014

03/GCN-UBCK

ngày 2 tháng 4 năm 2019

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng dạng Quỹ mở do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với thời gian hoạt động không xác định.

**Ban Đại Diện Quỹ**

Ông Trần Phát Minh

Chủ tịch

Ông Cung Trần Việt

Thành viên

Ông Huỳnh Richard Lê Minh

Thành viên

**Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty Cổ phần Quản lý

Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

**Ngân hàng Giám sát**

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

– Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

**Trụ sở đăng ký**

Tầng 5, Tòa nhà HM

412 Nguyễn Thị Minh Khai

Phường 5, Quận 3

Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ**

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

Tôi, Cung Trần Việt, Thành viên Ban Đại diện Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu tư của Quỹ đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”), phê duyệt báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Ông Cung Trần Việt  
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ**

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181”), các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Quỹ.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được thiết lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư 198, Thông tư 181, các quy định có liên quan của Thông tư 98 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn chặn và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.



Thay mặt Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Ông Phạm Pho Hop  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

# Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt

## Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)



### I. Thông tin chung về Quỹ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“VCAMBF” hoặc “Quỹ”) hướng tới mục tiêu là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản cố thu nhập cố định. Mục tiêu đầu tư của Quỹ VCAMBF tuân thủ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Quỹ, tính đến ngày kết thúc kỳ báo cáo, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tăng 12,27% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

#### 3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ định hướng xây dựng một danh mục đa dạng và cân bằng bao gồm cổ phiếu (bao gồm cả là cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu chưa niêm yết) của các công ty hoạt động tại Việt Nam có tiềm năng tăng trưởng trong các lĩnh vực, ngành nghề không hạn chế và phù hợp với các quy định đầu tư và các tài sản cố thu nhập cố định bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, hoặc trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản theo chiến lược đầu tư phòng thủ hoặc tăng trưởng tùy thuộc vào cơ hội đầu tư sẵn có tại các thời điểm khác nhau. Việc phân bổ tài sản có thể thay đổi tùy theo nhận định của Công ty Quản lý Quỹ, với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu tư.

Để đạt được mục tiêu đề ra, Quỹ áp dụng phương thức đầu tư đi từ trên xuống (“Top-Down Approach”), trong đó việc đầu tư và phân bổ tài sản sẽ dựa trên những đánh giá tổng thể về xu thế của kinh tế vĩ mô, chính sách của nhà nước, ngành hưởng lợi, cũng như tiềm năng sinh lời và an toàn tín dụng của tổ chức phát hành. Quỹ cũng sử dụng phương pháp tiếp cận đầu tư đi từ dưới lên (“Bottom-Up Approach”) trong việc lựa chọn từng cơ hội đầu tư cụ thể thông qua việc đánh giá và phân tích tiềm năng của từng cơ hội đầu tư.

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ VCAMBF là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở được Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“VCAM”) quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

#### 5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ là không xác định.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao)**

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình nhờ danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng.

**7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ là ngày 15 tháng 5 năm 2014.

**8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023:

- Tổng giá trị tài sản ròng: 87.040.277.632 VND.
- Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành: 5.717.623,73 Chứng chỉ Quỹ.

**9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

**10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận đã thực hiện của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn trước khi trả hết số lợi nhuận đã định.

Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận phải được sự chấp thuận trước của Đại hội Nhà đầu tư hoặc được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định).

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

**11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ (tại thời điểm báo cáo)**

Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ lũy kế đến thời điểm báo cáo là 3.500 VND/Chứng chỉ Quỹ.

**II. Số liệu hoạt động**

**1. Cơ cấu tài sản Quỹ**

Cơ cấu tài sản Quỹ	30/6/2023 (%)	30/6/2022 (%)	30/6/2021 (%)
1. Danh mục chứng khoán	69,81	61,87	75,60
2. Tài sản khác	30,19	38,13	24,40
<b>Cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	87.040.277.632	102.655.028.433	103.482.821.810
2.2. Tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (CCQ)	5.717.623,73	7.016.206,98	6.679.793,63
2.3. Giá trị tài sản ròng của 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ (VND/CCQ)	15.223,16	14.631,13	15.491,92
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	15.245,36	16.933,07	15.491,92
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	14.011,22	14.562,58	12.492,76
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	4,05%	(5,56%)	40,37%
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%) / 1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	76,87%	27,86%	(10.794,72%)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%) / 1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	(72,82%)	(33,42%)	10.835,09%
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không có	Không có	Không có
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,28%	1,84%	1,89%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (lần)	0,59	0,98	1,49

**3. Tăng trưởng qua các thời kỳ**

<b>Giai đoạn</b>	<b>Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ</b>	<b>Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm</b>
- 1 năm	4,05%	4,05%
- 3 năm	37,93%	72,39%
- Từ khi thành lập	52,23%	93,13%

**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**4. Tăng trưởng hàng năm**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>	<b>30/6/2021</b>
Tỷ lệ tăng trưởng (%) / 1 đơn vị CCQ	4,05%	(5,56%)	40,37%

**III. Mô tả thị trường trong kỳ**

**GDP phục hồi chậm trong bối cảnh vĩ mô khó khăn kéo dài**

- GDP trong Quý II/2023 ước tính tăng 4,14% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với mức tăng 3,28% của Quý I/2023. Đây là mức tăng thấp thứ hai ghi nhận trong Quý II và 6 tháng đầu năm kể từ năm 2011 (chỉ cao hơn mức 0,34% trong Quý II/2020 và 1,74% trong 6 tháng đầu năm 2020 khi bắt đầu đại dịch COVID-19).
- Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, GDP tăng trưởng 3,72%, chỉ cao hơn tốc độ tăng 1,74% của 6 tháng đầu năm 2020 trong giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2023. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế, khu vực dịch vụ tăng 6,33%, đóng góp 78,85% trong cơ cấu tăng trưởng GDP. Ngoài ra, khu vực công nghiệp và xây dựng đã cải thiện tốc độ tăng trưởng với mức tăng 2,50% trong Quý II và 1,13% trong 6 tháng đầu năm 2023.

**Lạm phát trong tầm kiểm soát**

- CPI bình quân giảm xuống mức 2,4% trong Quý II/2023, từ mức 4,2% trong Quý I/2023. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, CPI bình quân tăng 3,29% so với bình quân cùng kỳ năm 2022, nhưng vẫn dưới mức 4,5% mà Chính phủ đề ra.

**Lượng vốn FDI giải ngân tăng mạnh**

- Tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/6/2023 đạt gần 13,43 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký điều chỉnh sụt giảm rõ rệt, chỉ đạt 2,93 tỷ USD, giảm 57,1% so với cùng kỳ năm trước. Điểm sáng nằm ở vốn FDI đăng ký cấp mới khi tăng 71,9% về số dự án và tăng 31,3% về số vốn đăng ký.
- Mức tăng trưởng vốn FDI giải ngân Quý II/2023 phục hồi tương đối, đạt gần 5,7 tỷ USD, tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước nhưng bật lên tăng mạnh 32% so với Quý I/2023. Tính chung nửa đầu năm 2023, tổng vốn FDI giải ngân đạt 10,02 tỷ USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, cao nhất trong 5 năm trở lại đây.

**Xuất nhập khẩu phục hồi chậm và yếu**

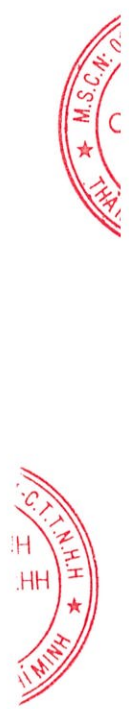
- Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 316,65 tỷ USD, giảm 15,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 12,1%; nhập khẩu giảm 18,2%. Cán cân thương mại hàng hóa 6 tháng đầu năm 2023 ước tính xuất siêu 12,25 tỷ USD.
- Tình hình xuất nhập khẩu nửa đầu năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn khi đơn hàng giảm, nhu cầu cả thị trường trong nước và quốc tế thấp, chi phí đầu vào tăng cao, tình hình xuất khẩu sang các nước vẫn còn chậm đặc biệt tại các thị trường chính như Mỹ và Châu Âu. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Trung Quốc cải thiện rõ rệt, trong tháng 5 ghi nhận mức tăng 18,8% và tháng 6 tăng 25,9% so với cùng kỳ, từ mức giảm sâu của các tháng trước đó tính từ tháng 11/2022, một phần nhờ vào việc mở cửa trở lại của Trung Quốc.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**Lãi suất đã giảm về nền thấp, kỳ vọng tăng trưởng tín dụng phục hồi**

- Từ tháng 3/2023 đến tháng 6/2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất với mức giảm từ 0,5% đến 2%/năm. Cụ thể: (1) Giảm 1,5%/năm lãi suất tái cấp vốn và lãi suất chiết khấu, giảm 2%/năm lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng; (2) Giảm 0,5-1,25%/năm lãi suất tối đa tiền gửi bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn dưới 6 tháng; (3) Giảm 1,5%/năm mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng Đồng Việt Nam của tổ chức tín dụng đối với khách hàng vay để đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ một số lĩnh vực, ngành kinh tế. Động thái điều hành này của Ngân hàng Nhà nước được đánh giá là nhanh chóng và quyết liệt nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế phục hồi.
- Tính đến thời điểm ngày 20/6/2023, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,53% so với cuối năm 2022 (cùng kỳ năm trước tăng 3,30%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 3,26% (cùng kỳ năm trước tăng 3,97%); tăng trưởng tín dụng đạt 3,58% (cùng kỳ năm trước tăng 8,51%). Tăng trưởng tín dụng thấp được nhìn nhận là do cầu tín dụng giảm mạnh trước tình trạng doanh nghiệp xuất khẩu thiếu đơn hàng, và sức khỏe tài chính của các doanh nghiệp suy giảm.



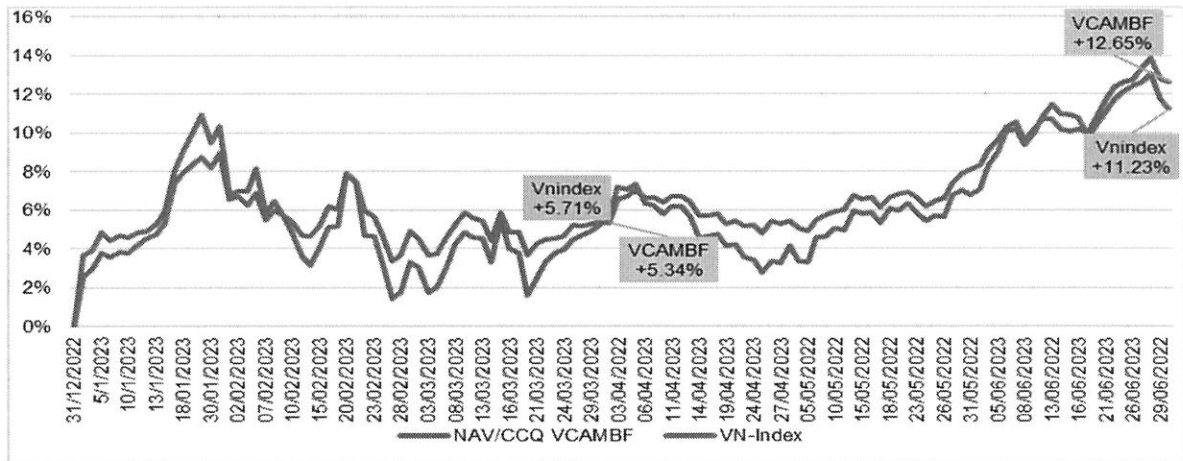
**IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ:**

**4.1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo
A	1	2	3
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	(72,82%)	1.878,86%	245,87%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	76,87%	(1.840,93%)	(193,64%)
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	4,05%	37,93%	52,23%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	4,05%	72,39%	93,13%
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không có	Không có	Không có
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	Không có	Không có	Không có

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2023:



Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND	Tỷ lệ thay đổi %
A	1	2	$3 = ((1) - (2)) / (2)$
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	87.040.277.632	77.529.970.878	12,27%
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị CCQ	15.223,16	13.513,83	12,65%

**4.2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ Quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5.000	181	118.635,01	2,07%
Từ 5.000 đến dưới 10.000	14	110.191,85	1,93%
Từ 10.000 đến dưới 50.000	9	142.297,91	2,49%
Từ 50.000 đến 500.000	3	570.965,52	9,99%
Trên 500.000	1	4.775.533,44	83,52%
<b>Tổng cộng</b>	<b>208</b>	<b>5.717.623,73</b>	<b>100,00%</b>

**5. Chi phí ngầm và giảm giá**

Quỹ không có chi phí ngầm và chính sách giảm giá.

**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**V. Thông tin về triển vọng thị trường**

**Triển vọng thị trường Quý III/2023**

**Tiến độ giải ngân đầu tư công đang cải thiện**

- Vốn đầu tư công trong tháng 6 đạt 43,4 nghìn tỷ đồng, tăng 29,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng năm 2023, vốn đầu tư giải ngân ước đạt 232,2 nghìn tỷ đồng, bằng 33% kế hoạch năm và tăng 20,5% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo tính toán, để đạt được từ 95% đến 100% kế hoạch, thì bình quân 7 tháng còn lại phải giải ngân mỗi tháng ít nhất từ 65 đến 70 nghìn tỷ đồng (gấp từ 1,4 đến 1,5 lần so với mức giải ngân bình quân trong Quý II/2023). Khi đạt được từ 95% đến 100% kế hoạch, số vốn giải ngân đầu tư công năm nay có thể tăng từ 18,8% đến 25,1% so với cùng kỳ năm trước.

**Chính sách tiền tệ đã nói lời lần thứ 4 trong nửa đầu năm 2023 và dự kiến sẽ tiếp tục duy trì**

- Ngày 19/06/2023, Ngân hàng Nhà nước cắt giảm lãi suất điều hành, trong đó: 1) lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng giảm 0,5%/năm từ mức 5,5%/năm xuống mức 5,0%/năm; 2) lãi suất tái cấp vốn giảm 0,5%/năm từ mức 5,0%/năm xuống mức 4,5%/năm; 3) lãi suất tái chiết khấu giảm 0,5%/năm từ 3,5%/năm xuống mức 3,0%/năm. Với mức tăng trưởng GDP thấp hơn kỳ vọng, mặt bằng lãi suất này dự kiến sẽ được duy trì trong nửa sau của năm 2023 để hỗ trợ nền kinh tế.
- Chỉ số DXY tăng mạnh trong tháng 6/2023 và có thể gây thêm áp lực lên tỷ giá VND. Cuối ngày 03/07/2023, tỷ giá VND/USD đồng loạt tăng ở các ngân hàng, lên cao nhất là 23.850 VND/USD. Rủi ro tỷ giá tăng có thể cản trở quá trình nói lời chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, qua đó làm chậm đà phục hồi của nền kinh tế Việt Nam trong các quý còn lại của năm 2023.

**Áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp**

- Tính đến thời điểm đầu tháng 6/2023, tổng giá trị trái phiếu đến hạn trong phần còn lại của năm 2023 là 195.090 tỉ đồng, trong đó, gần 101 nghìn tỉ đồng đến từ nhóm Bất động sản, theo sau là nhóm Ngân hàng với 31.661 tỉ đồng.
- Tính tới ngày 31/05/2023, có 16 doanh nghiệp chậm thanh toán lãi, gốc trái phiếu, thanh toán mua lại trước hạn và 19 doanh nghiệp công bố đã đạt được thỏa thuận thay đổi điều kiện, điều khoản trái phiếu trong tháng 5. Ngoài ra, trong tháng 5, các doanh nghiệp đã thực hiện mua lại 22.789 tỷ đồng, tăng 73% so với cùng kỳ năm trước.

**Kế hoạch hoạt động Quý III/2023**

- Duy trì tỷ lệ giải ngân cổ phiếu ở mức trung bình trên cơ sở đánh giá VN-Index đã đi vào vùng định giá hợp lý và được hỗ trợ bởi chính sách nói lời tiền tệ. Chính sách này có khả năng được tiếp tục duy trì, tuy nhiên mức độ nói lời thêm sẽ hạn chế hơn nửa đầu 2023;
- Hiện thực hóa lợi nhuận đối với nhóm cổ phiếu đã đạt được giá mục tiêu và phản ánh triển vọng tăng trưởng; và
- Đầu tư công được xác định vẫn sẽ là động lực chính; đồng thời xem xét cơ hội đầu tư đối với các nhóm ngành liên quan đến xuất nhập khẩu khi phát đi các tín hiệu phục hồi.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**VI. Thông tin khác**

**1. Nhân sự điều hành Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Phạm Pho Hop (Phạm Hợp Phố)	Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị	Thạc sĩ về Quản trị Hành chính công tại trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.  Cử nhân ngành Khoa học Máy tính và ngành Quan hệ Quốc tế tại trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.	Ông Phố hiện là Tổng Giám Đốc của VCAM. Trước khi gia nhập VCAM, ông Phố giữ chức vụ Phó Chủ Tịch Quỹ IDG Ventures Việt Nam (2006-2017), thành viên sáng lập muaban.net chịu trách nhiệm quản lý các hạng mục đầu tư, nghiên cứu đánh giá thị trường, phân tích cơ hội đầu tư, phát triển doanh nghiệp, gọi vốn và thoái vốn, cho các công ty giai đoạn khởi nghiệp và tăng trưởng trong lĩnh vực công nghệ thông tin, truyền thông, thương mại điện tử như Hotdeal.vn, NhạcCuatui.com, Webtretho.com...  Trước đó ông có 5 năm là Cố vấn cấp cao Công nghệ Thông tin (Senior IT Consultant II) tại Trường Đại học Nam California, Hoa Kỳ.
Bà Trương Thị Thanh Ngọc	Giám Đốc Quỹ	Cử nhân Tài chính Tín dụng tại trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh  Cao học Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Bolton, UK	Gia nhập VCAM từ năm 2017, bà Thanh Ngọc phụ trách việc phân tích và nghiên cứu đầu tư của Quỹ. Bà Thanh Ngọc có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng với các vị trí Trưởng bộ phận Giám sát tại Ban Kiểm soát nội bộ thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB); sau đó là Trưởng bộ phận Phân tích và Kế hoạch thuộc Khối Chiến lược Phát triển của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (ABBANK). Tại đây, bà phụ trách các hoạt động về nghiên cứu thị trường, đánh giá hiệu quả hoạt động của các ngân hàng, nhằm xây dựng mục tiêu và kế hoạch tăng trưởng với sự tư vấn của các Chuyên gia Cấp cao đến từ Ngân hàng Maybank, Malaysia – Cổ đông chiến lược của ABBANK.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**



**2. Ban Đại diện Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân ngành Tài chính Kế toán Doanh nghiệp tại trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh	Ông Trần Phát Minh có bề dày kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính và ngân hàng. Ông đã đảm nhận những chức vụ Kế toán trưởng và Phó Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Chứng khoán Phương Nam; Thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng TMCP Kiên Long.
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney  Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)	Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Thương mại của Curtin University of Western Australia  Thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (CPA Australia)	Ông Huỳnh Richard Lê Minh có kinh nghiệm lâu năm trong ngành kiểm toán và quản trị chuyên nghiệp. Ông từng giữ chức vụ Giám đốc PriceWaterhouseCoopers Việt Nam, và Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap (“Vietcap”).



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

**3. Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ**

<b>Tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Bằng cấp</b>	<b>Quá trình công tác</b>
Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	<p>Cử nhân ngành Tài chính – Ngân hàng tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân (Hà Nội)</p> <p>Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị tài chính Đại học Quốc tế tại Geneva (International University in Geneva), Thụy Sĩ</p>	<p>Bà Nguyễn Thanh Phương là thành viên sáng lập của VCAM và Vietcap. Bà hiện đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCAM và Vietcap kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Với việc thay đổi nhận diện thương hiệu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt (“Viet Capital Bank”) (tiền thân là Ngân hàng Gia Định), bà Phương được bầu chọn vào Hội đồng Quản trị của ngân hàng này từ tháng 2 năm 2012. Trong vai trò thành viên Hội đồng Quản trị, bà Phương chịu trách nhiệm về định hướng tầm nhìn, quản trị chiến lược, hỗ trợ Ban Điều hành với mục tiêu đưa Viet Capital Bank trở thành những đơn vị cung cấp dịch vụ tài chính hàng đầu trên thị trường.</p> <p>Bà Phương từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim (Việt Nam), tập đoàn đa quốc gia Thụy Sĩ, một trong những nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất tại Việt Nam. Trước khi sáng lập VCAM, Bà giữ vai trò Giám đốc Đầu tư của Quỹ Vietnam Holding, một Quỹ đầu tư nước ngoài niêm yết trên thị trường chứng khoán Luân Đôn.</p>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
Ông Cung Trần Việt	Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Giám đốc Điều hành	<p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học Sydney</p> <p>Cử nhân Khoa học về Kỹ thuật Chế biến Thực phẩm của Viện Công nghệ Odessa (Liên Xô cũ)</p>	<p>Ông Việt là một trong những cổ đông sáng lập của VCAM. Ông chịu trách nhiệm về các hoạt động định giá, xây dựng cơ cấu danh mục đầu tư và quản trị rủi ro. Trước đó, ông đã là Giám đốc Phân tích và Giám đốc Đầu tư của Quỹ Đầu Tư Vietnam Holding, Thụy Sĩ. Ông là một trong những chuyên gia đầu tiên của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh khi trung tâm mới được thành lập năm 1998. Kể từ năm 2002, ông là giảng viên môn Quản trị Tài chính và Định giá Doanh nghiệp tại khoa Kinh Tế, Đại Học Quốc Gia Thành phố Hồ Chí Minh. Là thành viên sáng lập của Công ty Tư vấn PSV, ông đã có quá trình cộng tác chặt chẽ với hai công ty chứng khoán hàng đầu của Việt Nam.</p>
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị	<p>Cử nhân chuyên ngành Kế toán tại Đại học Sydney University of Technology (Australia)</p> <p>Hội viên cao cấp của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (FCPA Australia)</p>	<p>Ông Tuấn trực tiếp giám sát các hoạt động đầu tư tài chính và doanh nghiệp tư nhân của Quỹ. Trước khi gia nhập VCAM, ông đã giữ chức vụ Giám đốc Tài chính tại VinaCapital, nơi ông phụ trách các hoạt động quản lý tài chính, nguồn nhân lực và chiến lược hoạt động của công ty.</p> <p>Ngoài ra, ông Tuấn còn có bề dày hơn 10 năm kinh nghiệm về quản trị thuế và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp tại các công ty hàng đầu Việt Nam và thế giới như PriceWaterhouseCoopers (Vietnam và Australia) và Dutch Lady Vietnam, nơi ông lần lượt đảm trách các chức vụ Giám đốc Quản trị Thuế và Giám đốc Kiểm soát hoạt động doanh nghiệp.</p>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ (tiếp theo)**

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Quá trình công tác
<p>Ông Nguyễn Hoàng Bảo (Henry)</p>	<p>Thành viên Hội đồng Quản trị</p>	<p>Cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Harvard</p> <p>Tiến sĩ Y khoa trường Đại học Northwestern</p> <p>Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của trường Kellogg School of Management – Hoa Kỳ</p>	<p>Ông Bảo hiện đang là Tổng Giám đốc của Quỹ đầu tư IDG Ventures tại Việt Nam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, truyền thông và công nghệ kể từ năm 2004. Trước khi gia nhập IDG Ventures Vietnam, ông từng là cộng sự nghiên cứu của Ngân hàng đầu tư Goldman Sachs tại New York. Ông cũng là một trong các thành viên sáng lập S2S Medical Publishing và trang web Medschool.com. Ông còn là Giám đốc Nhượng quyền Phát triển của tập đoàn McDonald’s tại Việt Nam.</p> <p>Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế giới, là thành viên của Hiệp hội Asia Society. Ông còn là thành viên Hội đồng Quản trị của Trường Đại học Anh Quốc tại Việt Nam. Ngoài ra, ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười Operation Smile Vietnam và là thành viên của Hiệp hội Thương mại Amcham tại Việt Nam. Ông Henry giữ chức vụ điều hành của Tập đoàn VC, Công ty Cổ phần Vật Giá, Công ty Cổ phần Truyền thông trực tuyến VTC, Tập đoàn Công nghệ Vega, VinaPay và Công ty Cổ phần Truyền thông Mặt Trời Vàng.</p>





# BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG BẢN VIỆT



100  
C  
CÔ  
NH

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt (“Quỹ”). Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 30/6/2023, Quỹ không phát sinh giao dịch phân phối lợi tức.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Ông Hoàng Văn Sơn

Phó Giám đốc

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển  
Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

BỘ PHẬN GIÁM SÁT

Bà Nguyễn Thị Song Hoanh

Phó Trưởng phòng Định chế tài chính  
và Lưu ký chứng khoán



KPMG Limited Branch  
10th Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Nhà đầu tư Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quý”), bao gồm báo cáo tình hình tài chính và báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng và giao dịch Chứng chỉ Quý và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Đại diện Quý phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 20 đến trang 67.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở, các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 do Bộ Tài Chính ban hành về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-01-00345-23-1



Hà Vũ Định

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0414-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Huy Cường

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2675-2019-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Báo cáo thu nhập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B01g – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
				30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>I</b>	<b>THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>01</b>		<b>10.807.693.262</b>	<b>(12.470.326.266)</b>
1.1	Cổ tức được chia	02	13	282.648.000	753.207.144
1.2	Tiền lãi được nhận	03	13	970.977.262	726.859.490
1.3	Lãi bán các khoản đầu tư	04	14	979.249.652	5.207.738.829
1.4	Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	15	8.574.818.348	(19.158.131.729)
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>	<b>10</b>		<b>73.316.115</b>	<b>165.221.777</b>
2.1	Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	11	16	73.316.115	165.221.777
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>	<b>20</b>		<b>942.908.964</b>	<b>1.029.695.987</b>
3.1	Phí dịch vụ quản lý Quỹ	20.1	20	492.434.368	565.436.991
3.2	Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ	20.2	17	138.722.009	157.674.054
3.3	Phí dịch vụ giám sát	20.3	20	33.000.000	33.000.000
3.4	Phí dịch vụ quản trị Quỹ	20.4	20	99.000.000	99.000.000
3.5	Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5		66.000.000	66.000.000
3.8	Chi phí kiểm toán	20.8		69.424.658	66.945.203
3.10	Chi phí hoạt động khác	20.10	18	44.327.929	41.639.739
<b>IV</b>	<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ (23 = 01 – 10 – 20)</b>	<b>23</b>		<b>9.791.468.183</b>	<b>(13.665.244.030)</b>
<b>VI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (30 = 23)</b>	<b>30</b>		<b>9.791.468.183</b>	<b>(13.665.244.030)</b>
6.1	Lợi nhuận đã thực hiện	31		1.216.649.835	5.492.887.699
6.2	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	32	15	8.574.818.348	(19.158.131.729)
<b>VIII</b>	<b>LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ (41 = 30)</b>	<b>41</b>		<b>9.791.468.183</b>	<b>(13.665.244.030)</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng

Ông Phạm Pho Hốp  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B02g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>I</b>	<b>TÀI SẢN</b>				
<b>1</b>	<b>Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>3.405.114.637</b>	<b>16.164.663.074</b>
1.1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	111		1.905.114.637	16.164.663.074
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	112		1.500.000.000	-
<b>2</b>	<b>Các khoản đầu tư thuần</b>	<b>120</b>		<b>82.244.119.687</b>	<b>76.447.860.698</b>
2.1	Các khoản đầu tư	121	5	82.244.119.687	76.447.860.698
<b>3</b>	<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>1.625.266.112</b>	<b>1.364.855.818</b>
3.1	Phải thu về bán các khoản đầu tư	131	6	1.050.671.625	804.791.000
3.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	133	7	574.594.487	560.064.818
3.2.2	<i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>136</i>		<i>574.594.487</i>	<i>560.064.818</i>
	<b>TỔNG TÀI SẢN</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130)</b>	<b>100</b>		<b>87.274.500.436</b>	<b>93.977.379.590</b>
<b>II</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
2	Phải trả về mua các khoản đầu tư	312	8	801.200	741.110
3	Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	313		832.073	1.183.070
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		613.788	687.346
5	Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	315		407.334	407.334
6	Chi phí phải trả	316	9	90.583.566	103.200.000
7	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	317		1.000.000	-
8	Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	318		1.850.677	16.192.576.580
9	Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	319	10	138.134.166	148.613.272
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b> <b>(300 = 312 + 313 + 314 + 315 + 316 + 317 + 318 + 319)</b>	<b>300</b>		<b>234.222.804</b>	<b>16.447.408.712</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B02g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	31/12/2022 VND
<b>III</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ (400 = 100 - 300)</b>	<b>400</b>		<b>87.040.277.632</b>	<b>77.529.970.878</b>
<b>1</b>	<b>Vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>411</b>	<b>11</b>	<b>57.176.237.352</b>	<b>57.370.825.652</b>
1.1	Vốn góp phát hành	412		90.127.036.052	89.810.876.352
1.2	Vốn góp mua lại	413		(32.950.798.700)	(32.440.050.700)
<b>2</b>	<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư</b>	<b>414</b>	<b>11</b>	<b>(430.761.353)</b>	<b>(344.188.224)</b>
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>420</b>	<b>12</b>	<b>30.294.801.633</b>	<b>20.503.333.450</b>
<b>IV</b>	<b>GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>430</b>	<b>11</b>	<b>15.223,16</b>	<b>13.513,83</b>
<b>V</b>	<b>LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ</b>	<b>440</b>			
1	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ	441		-	-
2	Lợi nhuận đã phân phối cho Nhà đầu tư lũy kế từ khi thành lập Quỹ mở đến kỳ lập báo cáo này	442		21.452.073.549	21.452.073.549
<b>VI</b>	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH</b>			<b>30/6/2023 CCQ</b>	<b>31/12/2022 CCQ</b>
4	Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	004	11	5.717.623,73	5.737.082,56

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:



Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****Mẫu B03g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Chi tiêu	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>I</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ đầu kỳ</b>	<b>77.529.970.878</b>	<b>117.220.725.865</b>
<b>II</b>	<b>Thay đổi NAV so với kỳ trước</b>	<b>9.791.468.183</b>	<b>(13.665.244.030)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
II.1	Thay đổi NAV của Quỹ do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong kỳ	9.791.468.183	(13.665.244.030)
<b>III</b>	<b>Thay đổi NAV do mua lại và phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>(281.161.429)</b>	<b>(900.453.402)</b>
	<i>Trong đó:</i>		
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	455.299.306	788.931.357
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(736.460.735)	(1.689.384.759)
<b>IV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ cuối kỳ (IV = I + II + III)</b>	<b>87.040.277.632</b>	<b>102.655.028.433</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởngÔng Phạm Phò Hốp  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B04g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/6/2023 VND/cổ phiếu	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2023 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>I</b>	<b>Mã cổ phiếu niêm yết</b>				
1	FPT	141.114	86.000	12.135.804.000	13,91%
2	HPG	250.000	26.150	6.537.500.000	7,49%
3	MBB	230.296	20.200	4.651.979.200	5,33%
4	CTG	150.336	29.500	4.434.912.000	5,08%
5	STB	110.000	29.800	3.278.000.000	3,76%
6	VNM	45.000	71.000	3.195.000.000	3,66%
7	DGC	45.000	63.800	2.871.000.000	3,29%
8	BMI	100.000	23.700	2.370.000.000	2,72%
9	BVH	48.000	44.100	2.116.800.000	2,43%
10	NAF	150.000	13.950	2.092.500.000	2,40%
11	STK	60.000	29.500	1.770.000.000	2,03%
12	DPM	50.000	34.750	1.737.500.000	1,99%
13	GAS	18.000	93.000	1.674.000.000	1,92%
14	VRE	60.000	26.800	1.608.000.000	1,84%
15	VAB	190.300	7.900	1.503.370.000	1,72%
16	SZC	35.000	36.150	1.265.250.000	1,45%
17	ADS	68.250	17.150	1.170.487.500	1,34%
18	PHR	25.000	46.400	1.160.000.000	1,33%
19	VLB	30.000	37.700	1.131.000.000	1,30%
20	ILB	35.100	31.800	1.116.180.000	1,28%
21	SSI	35.000	25.800	903.000.000	1,03%
22	TTA	90.000	9.100	819.000.000	0,94%
23	DDV	70.000	10.200	714.000.000	0,82%
24	PC1	25.000	26.700	667.500.000	0,75%
		<u>2.061.396</u>		<u>60.922.782.700</u>	<u>69,81%</u>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B04g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

STT	Loại tài sản	Tổng giá trị tại ngày 30/6/2023 VND	Tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị tài sản của Quỹ %
<b>II Các tài sản khác</b>			
1	Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng		
	▪ Ngân hàng TMCP Bản Việt	13.000.000.000	14,90%
	▪ Ngân hàng TMCP Á Châu	4.162.652.055	4,77%
	▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	4.158.684.932	4,76%
2	Phải thu về bán các khoản đầu tư	1.050.671.625	1,20%
3	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	574.594.487	0,66%
		<hr/>	
		22.946.603.099	26,29%
<b>III Tiền</b>			
1	Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền		
	▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	3.405.114.637	3,90%
<b>IV Tổng giá trị danh mục</b>			
		<hr/>	
		87.274.500.436	100,00%



Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng



Ông Phạm Pho Hop  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B05g – QM***(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		9.791.468.183	(13.665.244.030)
Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư	02		(8.574.818.348)	19.158.131.729
Chênh lệch (tăng)/giảm thuần do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	03	15	(8.574.818.348)	19.158.131.729
<b>Lãi từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>05</b>		<b>1.216.649.835</b>	<b>5.492.887.699</b>
Giảm/(tăng) các khoản đầu tư	20		2.778.559.359	(5.342.038.025)
(Tăng)/giảm phải thu về bán các khoản đầu tư	06		(245.880.625)	2.392.505.850
Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	07		(14.529.669)	(291.335.668)
Tăng/(giảm) phải trả về mua các khoản đầu tư	10		60.090	(530.204.115)
Giảm phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ	11		(350.997)	(9.754.273)
Giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13		(73.558)	(601.150)
Tăng phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	14		1.000.000	6.077.000
Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	15		(16.190.725.903)	(617.248.553)
Giảm phải trả, phải nộp khác	16		(12.616.434)	(10.575.353)
(Giảm)/tăng phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	17		(10.479.106)	13.075.600
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>19</b>		<b>(12.478.387.008)</b>	<b>1.102.789.012</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ	31	11	455.299.306	788.931.357
Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ	32	11	(736.460.735)	(1.689.384.759)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>30</b>		<b>(281.161.429)</b>	<b>(900.453.402)</b>
<b>(Giảm)/tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong kỳ</b>	<b>40</b>		<b>(12.759.548.437)</b>	<b>202.335.610</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B05g – QM  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4</b>	<b>16.164.663.074</b>	<b>22.891.611.972</b>
Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	51		16.164.663.074	22.891.611.972
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	52		16.164.663.074	5.656.890.237
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	52		-	17.234.721.735
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>55</b>	<b>4</b>	<b>3.405.114.637</b>	<b>23.093.947.582</b>
Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	56		3.405.114.637	23.093.947.582
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ	57		1.905.114.637	4.778.536.088
- Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	57		1.500.000.000	18.315.411.494
<b>Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong kỳ</b>	<b>60</b>		<b>(12.759.548.437)</b>	<b>202.335.610</b>

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

  
 Bà Nguyễn Thị Nhung  
 Kế toán Quỹ

Người duyệt:

  
 Bà Khúc Thị Kiều  
 Kế toán trưởng

  
 Ông Phạm Pho Hop  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Thông tin về Quỹ**

Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (“Quỹ”) được thành lập ban đầu dưới hình thức quỹ đại chúng dạng mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 11/UBCK-GCN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp ngày 15 tháng 5 năm 2014, điều chỉnh một lần theo Giấy Chứng nhận về việc điều chỉnh Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đầu tư Đại chúng số 03/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 2 tháng 4 năm 2019. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương đương với 5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Chứng chỉ Quỹ được giao dịch thông qua các Đại lý phân phối.

Chứng chỉ Quỹ đã được chào bán ra công chúng lần đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chào bán số 02/GCN-UBCK ngày 10 tháng 1 năm 2014. Theo giấy chứng nhận này, tổng số vốn huy động tối thiểu của Quỹ là 50.000.000.000 VND, tương đương với 5.000.000 Chứng chỉ Quỹ. Quỹ hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ ban hành tháng 12 năm 2013 và được điều chỉnh, bổ sung lần gần nhất (lần 8) vào tháng 4 năm 2022.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên và được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt, là công ty quản lý quỹ được thành lập tại Việt Nam, và được giám sát bởi Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, là Ngân hàng Giám sát của Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ là Tầng 5, Tòa nhà HM, Số 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Mục tiêu đầu tư**

Mục tiêu của Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc, tạo một nguồn thu nhập định kỳ bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định.

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo các tiêu chí sau:

- (i) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá và công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- (ii) Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, kể cả tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- (iv) Quỹ không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các khoản đầu tư sau được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ:
- tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng; cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng;
  - trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; và
  - chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- (v) Quỹ không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (vi) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức và có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ vào:
- công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
  - cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; và
  - trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (1) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.
- (vii) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- (viii) Quỹ không được đầu tư vào chính Chứng chỉ Quỹ của Quỹ;
- (ix) Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- (x) Quỹ không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- (xi) Quỹ phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã nêu trên tại các tiêu chí (i), (ii), (iii), (iv), (v), (vi), (ix) chỉ do các nguyên nhân sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

**Kỳ xác định giá trị tài sản ròng (NAV)**

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào thứ sáu (“ngày định giá”) theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ. Trường hợp ngày định giá là ngày nghỉ lễ (theo quy định của Nhà nước) thì ngày định giá đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc tiếp theo gần nhất theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Trong trường hợp Công ty Quản lý Quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ thì Công ty Quản lý Quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban Đại diện Quỹ trước khi thực hiện.

Ngoài ra, Quỹ cũng xác định giá trị tài sản ròng tại ngày cuối cùng mỗi tháng cho mục đích lập báo cáo theo pháp luật chứng khoán hiện hành áp dụng cho Quỹ mở.

**Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ**

Giá trị tài sản ròng (NAV) là tổng giá trị các tài sản do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan tại ngày trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là số lẻ ở dạng thập phân, lấy đến hai (02) số thập phân sau dấu phẩy.

**Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ**

Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ định kỳ là ngày thứ sáu hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Trong trường hợp ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ rơi vào ngày nghỉ lễ thì hoạt động giao dịch được chuyển sang ngày thứ sáu tuần kế tiếp. Tần suất giao dịch của Chứng chỉ Quỹ không ít hơn hai (02) lần trong một tháng. Trong trường hợp do ngày nghỉ lễ khiến cho số ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ ít hơn (02) lần trong một tháng, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù trước ít nhất một (01) tháng trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Thông tư số 198/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở (“Thông tư 198”), Thông tư số 181/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở (“Thông tư 181”), các quy định có liên quan của Thông tư số 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm được lập không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán được áp dụng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ khác.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ bao gồm các báo cáo sau:

- Báo cáo thu nhập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
- Báo cáo danh mục đầu tư;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; và
- Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ và những khoản mục được trình bày tại Thuyết minh 3(b), được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Quỹ là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(e) Hình thức sổ kế toán**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Quỹ áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(b) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó như phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng, v.v. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo phương pháp được nêu tại Thuyết minh 3(b)(iii). Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trong kỳ.

**(i) Phân loại**

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

**(ii) Ghi nhận**

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch, là ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua khoản đầu tư đó.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)



**(iii) Xác định giá trị**

Theo Thông tư 98, các khoản đầu tư thuộc Danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất hoặc giá thị trường có nhiều biến động đáng kể, Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các khoản đầu tư của Quỹ. Giá trị hợp lý được xác định theo nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ Quỹ, hoặc Sổ tay định giá của Quỹ. Khoản đầu tư chứng khoán được đánh giá lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo Điều lệ Quỹ như sau:

**Trái phiếu**

▪ Trái phiếu niêm yết:

Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế;

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, Công ty Quản lý Quỹ chọn một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

▪ Trái phiếu chưa niêm yết:

Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc Công ty Quản lý Quỹ chọn một trong các mức giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau:

- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc
- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.

**Cổ phiếu**

▪ Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán các công ty đại chúng chưa được niêm yết (“UPCOM”):

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở Giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận; hoặc
- Giá mua; hoặc
- Giá trị sổ sách.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu của công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch:  
Trong thời gian công ty đại chúng đang thực hiện thủ tục chuyển sàn giao dịch, cổ phiếu của các công ty này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá.
- Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.

Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:

- Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt; hoặc
  - Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
  - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; hoặc
  - Giá mua; hoặc
  - Giá trị sổ sách.
- Cổ phiếu được phép đầu tư nhưng chưa đăng ký, lưu ký và chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch:  
Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá trung bình của các giao dịch thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá dựa trên báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan cung cấp.  
Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu ba (03) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan, các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
    - Giá trung bình dựa trên báo giá của hai (02) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan; hoặc
    - Giá mua; hoặc
    - Giá trị sổ sách.
  - Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch:  
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
    - Giá trị sổ sách; hoặc
    - Mệnh giá; hoặc
    - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

- Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản:  
Các cổ phiếu này được ưu tiên đánh giá lại theo thứ tự từ trên xuống theo một trong các mức giá sau:
  - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc
  - Giá xác định theo phương pháp được trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt cho từng trường hợp cụ thể và được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt.

***Quyền mua chứng khoán***

Quyền mua chứng khoán phát sinh từ các chứng khoán đang được nắm giữ bởi Quỹ được hạch toán ban đầu vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0). Quyền mua cổ phiếu này được đánh giá lại và ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính và báo cáo thu nhập tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị của quyền mua chứng khoán được xác định là phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý (theo các phương pháp nêu trên) của chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số tiền thực hiện quyền mua vào ngày thông báo thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.

**(iv) *Chấm dứt ghi nhận***

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán đó.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

**(c) *Các khoản phải thu***

Các khoản phải thu bao gồm phải thu về bán các khoản đầu tư và phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(d) *Các khoản phải trả***

Các khoản phải trả bao gồm phải trả về mua các khoản đầu tư, phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ, phải trả dịch vụ quản lý Quỹ và các khoản phải trả khác. Các khoản phải trả được thể hiện theo giá gốc.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**(e) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Quỹ có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(f) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Quỹ và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Quỹ phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Quỹ có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Quỹ xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các tài sản tài chính đã được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Quỹ có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Quỹ xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản được Quỹ xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Quỹ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Theo quy định của Thông tư 98, quỹ mở không được cho vay (ngoại trừ trường hợp đầu tư vào tiền gửi và trái phiếu).

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Quỹ phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Quỹ xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**(g) Thuế**

***Giao dịch trả lợi tức cho Nhà đầu tư***

Việc chi trả lợi tức của Quỹ cho các nhà đầu tư cần đảm bảo nguyên tắc theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính, theo đó lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.

Khi Quỹ trả lợi tức cho Nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ, kê khai và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 (“Thông tư 78”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 96”) và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 (“Thông tư 111”) được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (“Thông tư 92”) và Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 25”) do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục thuế về chính sách thuế đối với việc chia lợi tức cho tổ chức đầu tư và các quy định khác có liên quan. Theo đó, khi trả lợi tức cho các nhà đầu tư là tổ chức đầu tư nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của tổ chức đầu tư theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận được phân phối và kê khai, nộp thuế thay cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật Việt Nam (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật hiện hành). Khi trả lợi tức cho nhà đầu tư là cá nhân (trong nước và nước ngoài), Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% lợi nhuận được phân phối. Đối với các nhà đầu tư là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, các nhà đầu tư này có trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành khi nhận lợi tức, và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật cho việc kê khai và nộp thuế trên thu nhập phát sinh.

***Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ***

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư 111 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 92, Thông tư 25 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư 78 được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư 96.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với phần thu nhập của nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

**(h) Các giao dịch về vốn, thặng dư vốn và lợi nhuận chưa phân phối**

**(i) *Vốn góp của Nhà đầu tư***

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

***Vốn góp phát hành***

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các Nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ tiếp theo sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

***Vốn góp mua lại***

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ.

**(ii) *Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư***

Thặng dư vốn góp phản ánh chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng và mệnh giá của Chứng chỉ Quỹ được phát hành/mua lại.

**(iii) *Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối***

Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện.

Lỗ/lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện).

Lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện là tổng giá trị lỗ/lãi đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lỗ/lợi nhuận đã thực hiện và lỗ/lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào “Lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối” trên báo cáo tình hình tài chính.

**(iv) *Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư***

Lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư trong kỳ.

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/tài sản đã phân phối cho Nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**(i) Chứng chỉ Quỹ và Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ mở**

Chứng chỉ Quỹ có thể được Nhà đầu tư bán lại cho Quỹ bất kỳ lúc nào để đổi lại một lượng tiền tương ứng dựa trên Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ tại ngày trước ngày giao dịch.

Quỹ phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ tại các ngày giao dịch được công bố dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày trước ngày giao dịch.

Tất cả các Chứng chỉ Quỹ phát hành cho Nhà đầu tư đều có các quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được bán lại và các quyền khác như nhau. Mỗi Chứng chỉ Quỹ đã phát hành tương ứng với một quyền biểu quyết tại Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ và có quyền được hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

Giá trị tài sản ròng có thể phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ đồng thời cũng phản ánh lỗ lũy kế/lợi nhuận chưa phân phối, vốn góp của Nhà đầu tư và thặng dư vốn góp. Trong đó, vốn góp của Nhà đầu tư của Quỹ bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư phản ánh chênh lệch giữa thu/chi thực tế từ việc phát hành/mua lại Chứng chỉ Quỹ dựa trên giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá trên một Chứng chỉ Quỹ. Lợi nhuận chưa phân phối của Quỹ bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi tức của Quỹ được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ kế toán mà lợi tức được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ phải thực hiện theo đúng quy định của luật chứng khoán hiện hành áp dụng đối với quỹ mở, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch và Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư.

**(j) Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ chắc chắn nhận được các lợi ích kinh tế và các khoản doanh thu này có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Các tiêu chuẩn cụ thể sau đây phải được đáp ứng trước khi doanh thu được ghi nhận.

**(i) Thu nhập lãi tiền gửi, lãi trái phiếu và cổ tức**

Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Thu nhập lãi tiền gửi và lãi trái phiếu được ghi nhận trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi không chắc chắn.

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quỹ được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập.

**(ii) Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo kết quả giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Trung Tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**(k) Chi phí**

Các khoản chi phí được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi phát sinh, không căn cứ vào thời điểm chi trả.

**(l) Giá trị tài sản ròng trên mỗi Chứng chỉ Quỹ**

Giá trị tài sản ròng (“NAV”) trên mỗi Chứng chỉ Quỹ được tính bằng cách chia giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị tài sản ròng được xác định bằng cách lấy tổng tài sản trừ đi tổng nợ phải trả.

**(m) Báo cáo bộ phận**

Quỹ hoạt động như một bộ phận kinh doanh, đầu tư chứng khoán và trong một vùng địa lý là Việt Nam.

**(n) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Quỹ và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ và các bên liên quan khác của Công ty Quản lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ được xem là các bên liên quan của Quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán.

**(o) Số dư bằng không**

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 198 không được thể hiện trong báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(p) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong kỳ trước.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**4. Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền thể hiện tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng sau đây:

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi không kỳ hạn cho các hoạt động của Quỹ		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (*)	1.905.114.637	16.164.663.074
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.500.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	3.405.114.637	16.164.663.074

(\*) Bao gồm trong tiền gửi không kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là tiền nhà đầu tư nộp vào để mua Chứng chỉ quỹ với số tiền là 8.666.666 VND (31/12/2022: không có).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn hưởng lãi suất năm là 5,00% (31/12/2022: không có).

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**5. Các khoản đầu tư**

Tất cả các công ty được Quỹ đầu tư như được liệt kê trên báo cáo danh mục đầu tư đều được thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

Quỹ không tham gia vào các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động hàng ngày của các công ty được Quỹ đầu tư. Theo đó, Quỹ không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty được đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quỹ được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày ở Thuyết minh 3(b), thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

Chi tiết các khoản đầu tư tại các ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

	Giá mua VND [1]	Giá thị trường VND [2]	Chênh lệch do đánh giá lại trong kỳ		Giá trị đánh giá lại VND [5]=[1]+[3]+[4]
			Chênh lệch tăng VND [3]	Chênh lệch giảm VND [4]	
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>					
Cổ phiếu niêm yết	60.029.390.526	60.922.782.700	7.516.464.933	(6.623.072.759)	60.922.782.700
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	21.321.336.987	21.321.336.987	-	-	21.321.336.987
	81.350.727.513	82.244.119.687	7.516.464.933	(6.623.072.759)	82.244.119.687
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</b>					
Cổ phiếu niêm yết	59.561.192.874	51.879.766.700	4.583.674.379	(12.265.100.553)	51.879.766.700
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	17.568.093.998	17.568.093.998	-	-	17.568.093.998
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	7.000.000.000
	84.129.286.872	76.447.860.698	4.583.674.379	(12.265.100.553)	76.447.860.698

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)



**6. Phải thu về bán các khoản đầu tư**

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu về bán các khoản đầu tư	1.050.671.625	804.791.000

Phải thu về bán các khoản đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

**7. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư**

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	414.446.487	229.489.476
Dự thu cổ tức	160.148.000	204.000.000
Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi ghi danh	-	126.575.342
	<b>574.594.487</b>	<b>560.064.818</b>

**8. Phải trả về mua các khoản đầu tư**

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả về mua các khoản đầu tư	801.200	741.110

Phải trả về mua các khoản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán chậm nhất vào lúc 12h của ngày làm việc thứ hai kể từ ngày giao dịch (12h ngày T+2) theo quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”).

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**9. Chi phí phải trả**

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí kiểm toán	69.424.658	87.000.000
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	4.958.908	-
	<hr/>	<hr/>
	90.583.566	103.200.000
	<hr/>	<hr/>

**10. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ**

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ quản lý Quỹ	84.768.491	95.371.250
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	20.000.000	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ	5.500.000	5.500.000
Phí giao dịch chứng khoán	365.675	242.022
	<hr/>	<hr/>
	138.134.166	148.613.272
	<hr/>	<hr/>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**11. Vốn góp của Nhà đầu tư**

Căn cứ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ đại chúng số 11/GCN-UBCK, vốn điều lệ của Quỹ là 54.314.089.552 VND tương ứng với 5.431.408,95 Chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá 10.000 VND trên một Chứng chỉ Quỹ. Đây cũng chính là số vốn huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng. Do Quỹ hoạt động theo hình thức quỹ mở nên vốn góp và số lượng Chứng chỉ Quỹ sẽ thay đổi sau mỗi kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

Biến động vốn góp trong kỳ như sau:

	<b>Đơn vị</b>	<b>Tại ngày 31/12/2022 VND</b>	<b>Phát sinh trong kỳ VND</b>	<b>Tại ngày 30/6/2023 VND</b>
<b>Vốn góp phát hành</b>				
Số lượng (1)	CCQ	8.981.087,63	31.615,97	9.012.703,60
Giá trị ghi theo mệnh giá (2)	VND	89.810.876.352	316.159.700	90.127.036.052
Thặng dư vốn góp phát hành (3)	VND	13.379.811.599	139.139.606	13.518.951.205
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ (4) = (2) + (3)	VND	103.190.687.951	455.299.306	103.645.987.257
<b>Vốn góp mua lại</b>				
Số lượng (5)	CCQ	(3.244.005,07)	(51.074,80)	(3.295.079,87)
Giá trị ghi theo mệnh giá (6)	VND	(32.440.050.700)	(510.748.000)	(32.950.798.700)
Thặng dư vốn góp mua lại (7)	VND	(13.723.999.823)	(225.712.735)	(13.949.712.558)
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ (8) = (6) + (7)	VND	(46.164.050.523)	(736.460.735)	(46.900.511.258)
<b>Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành (9) = (1) + (5)</b>	<b>CCQ</b>	<b>5.737.082,56</b>	<b>(19.458,83)</b>	<b>5.717.623,73</b>
<b>Giá trị vốn góp của Nhà đầu tư theo mệnh giá (10) = (2) + (6)</b>	<b>VND</b>	<b>57.370.825.652</b>	<b>(194.588.300)</b>	<b>57.176.237.352</b>
<b>Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư (11) = (3) + (7)</b>	<b>VND</b>	<b>(344.188.224)</b>	<b>(86.573.129)</b>	<b>(430.761.353)</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối (12)</b>	<b>VND</b>	<b>20.503.333.450</b>	<b>9.791.468.183</b>	<b>30.294.801.633</b>
<b>NAV hiện hành (13) = (10) + (11) + (12)</b>	<b>VND</b>	<b>77.529.970.878</b>		<b>87.040.277.632</b>
<b>NAV hiện hành/1 Chứng chỉ Quỹ (14) = (13)/(9)</b>	<b>VND/CCQ</b>	<b>13.513,83</b>		<b>15.223,16</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**12. Lợi nhuận chưa phân phối**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ	20.503.333.450	41.967.593.630
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế trong kỳ	9.791.468.183	(13.665.244.030)
Trong đó		
<i>Lợi nhuận đã thực hiện</i>	<i>1.216.649.835</i>	<i>5.492.887.699</i>
<i>Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện</i>	<i>8.574.818.348</i>	<i>(19.158.131.729)</i>
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	30.294.801.633	28.302.349.600

**13. Cổ tức được chia và tiền lãi được nhận**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức được chia trong kỳ		
<i>Cổ tức phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	<i>122.500.000</i>	<i>382.933.172</i>
<i>Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận</i>	<i>160.148.000</i>	<i>50.000.000</i>
<i>Dự thu trái tức chưa đến ngày nhận</i>	<i>-</i>	<i>320.273.972</i>
	282.648.000	753.207.144
Tiền lãi được nhận trong kỳ		
<i>Tiền lãi phát sinh trong kỳ đã nhận</i>	<i>556.530.775</i>	<i>441.337.354</i>
<i>Dự thu lãi chưa đến ngày nhận</i>	<i>414.446.487</i>	<i>285.522.136</i>
	970.977.262	726.859.490
	1.253.625.262	1.480.066.634



**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**14. Lãi bán các khoản đầu tư**

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2023 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2022 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	24.694.230.000	23.714.980.348	979.249.652	42.180.869.836	41.201.620.184

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Danh mục các khoản đầu tư	Tổng giá trị bán VND [1]	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND [2]	Lãi bán chứng khoán trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND [3] = [1] - [2]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 30/6/2022 VND [4] = [3] + [5]	Lãi bán chứng khoán lũy kế đến ngày 31/12/2021 VND [5]
Cổ phiếu niêm yết	55.269.250.000	50.061.511.171	5.207.738.829	44.290.541.968	39.082.803.139

**Quý Đầu tư Căn bằng Bản Việt**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**

*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**15. Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện**

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng đánh
	theo số kế toán VND [1]	đánh giá lại tại ngày 30/6/2023 VND [3] = [2] – [1]	đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 VND [4]	giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ kết thúc ngày 30/6/2023 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	60.029.390.526	893.392.174	(7.681.426.174)	8.574.818.348
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	21.321.336.987	-	-	-
	81.350.727.513	893.392.174	(7.681.426.174)	8.574.818.348

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022**

Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua	Chênh lệch giảm	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm đánh
	theo số kế toán VND [1]	đánh giá lại tại ngày 30/6/2022 VND [3] = [2] – [1]	đánh giá lại tại ngày 31/12/2021 VND [4]	giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện được ghi nhận trong kỳ kết thúc ngày 30/6/2022 VND [5] = [3] – [4]
Cổ phiếu niêm yết	59.023.028.458	(2.279.337.258)	16.878.794.471	(19.158.131.729)
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	15.128.285.696	-	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	7.000.000.000	-	-	-
	81.151.314.154	(2.279.337.258)	16.878.794.471	(19.158.131.729)

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**16. Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí môi giới mua cổ phiếu	36.274.768	82.317.897
Chi phí môi giới bán cổ phiếu	37.041.347	82.903.880
	<hr/>	<hr/>
	73.316.115	165.221.777
	<hr/>	<hr/>

**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

Trong kỳ, giao dịch của Quỹ được thực hiện chủ yếu thông qua các công ty chứng khoán sau:

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023**

STT [1]	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo [2]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán				
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND [5]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ [6] = [4]/[5]	Phí giao dịch bình quân [7]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ròng Việt	Không phải bên liên quan	16.269.323.000	48.877.408.000	33,29%	0,15%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không phải bên liên quan	15.321.285.000	48.877.408.000	31,35%	0,15%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Bên liên quan	13.183.400.000	48.877.408.000	26,97%	0,15%	0,15%
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không phải bên liên quan	4.103.400.000	48.877.408.000	8,39%	0,15%	0,15%
	<b>Tổng</b>		<b>48.877.408.000</b>			<b>100,00%</b>	

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

**Quý Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022**

STT	Tên các công ty chứng khoán có giá trị giao dịch vượt quá 5% tổng giá trị giao dịch trong kỳ báo cáo [2]	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ [3]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			
			Giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ với từng công ty chứng khoán VND [4]	Tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ (*) VND [5]	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong kỳ [6] = [4]/[5]	Phí giao dịch bình quân trên thị trường [8]
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không phải bên liên quan	54.065.355.000	110.147.845.000	49,08%	0,15%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công	Không phải bên liên quan	34.326.865.000	110.147.845.000	31,16%	0,15%
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Không phải bên liên quan	21.755.625.000	110.147.845.000	19,76%	0,15%
	<b>Tổng</b>		<b>110.147.845.000</b>			<b>100,00%</b>

(\*) Các giao dịch không được thực hiện thông qua công ty chứng khoán (bao gồm chứng chỉ tiền gửi, giao dịch lô lẻ và các giao dịch chứng khoán chưa niêm yết) đã được loại trừ khi xác định tổng giá trị giao dịch trong kỳ của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**17. Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Ngân hàng Giám sát	120.000.000	120.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ trả cho Ngân hàng Giám sát	15.487.398	34.909.414
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.234.611	2.764.640
	<hr/>	<hr/>
	138.722.009	157.674.054
	<hr/>	<hr/>

**18. Chi phí hoạt động khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000
Phí ngân hàng	3.369.021	3.160.295
Phí quản lý thường niên trả cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước	4.958.908	2.479.444
	<hr/>	<hr/>
	44.327.929	41.639.739
	<hr/>	<hr/>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**19. Giá trị tài sản ròng**

Kỳ	Tại ngày tính NAV	Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ [2]	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023	
				NAV/1CCQ tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]	Tăng/(giảm) NAV/1CCQ VND/CCQ
	31/12/2022	77.529.970.878	5.737.082,56	13.513,83	
1	05/01/2023	80.457.363.456	5.737.082,56	14.024,09	510,26
2	12/01/2023	81.026.918.258	5.736.758,56	14.124,16	100,07
3	19/01/2023	84.018.863.075	5.736.969,89	14.645,16	521,00
4	26/01/2023	84.018.882.270	5.736.969,89	14.645,17	0,01
5	31/01/2023	84.475.206.478	5.737.649,29	14.722,96	77,79
6	02/02/2023	82.720.046.223	5.737.649,29	14.417,06	(305,90)
7	09/02/2023	81.953.868.075	5.737.653,02	14.283,52	(133,54)
8	16/02/2023	82.311.248.237	5.736.710,48	14.348,16	64,64
9	23/02/2023	81.909.922.687	5.736.589,87	14.278,50	(69,66)
10	28/02/2023	80.302.525.915	5.731.299,79	14.011,22	(267,28)
11	02/03/2023	80.960.004.317	5.731.299,79	14.125,94	114,72
12	09/03/2023	81.969.094.944	5.731.280,00	14.302,06	176,12
13	16/03/2023	81.217.685.900	5.731.156,12	14.171,26	(130,80)
14	23/03/2023	80.887.913.600	5.727.955,75	14.121,60	(49,66)
15	30/03/2023	81.589.140.524	5.728.533,80	14.242,59	120,99
16	31/03/2023	81.546.128.206	5.728.399,66	14.235,41	(7,18)
17	06/04/2023	82.531.929.758	5.728.399,66	14.407,50	172,09
18	13/04/2023	82.412.382.560	5.728.399,66	14.386,63	(20,87)
19	20/04/2023	81.635.102.207	5.728.607,14	14.250,43	(136,20)
20	27/04/2023	81.417.429.941	5.723.208,40	14.225,84	(24,59)
21	30/04/2023	81.750.677.165	5.736.835,78	14.250,13	24,29
22	04/05/2023	81.449.595.665	5.736.835,78	14.197,65	(52,48)
23	11/05/2023	82.224.961.746	5.739.050,35	14.327,28	129,63
24	18/05/2023	82.409.447.551	5.718.314,51	14.411,49	84,21
25	25/05/2023	82.302.797.234	5.720.597,85	14.387,10	(24,39)
26	31/05/2023	83.571.035.113	5.721.011,44	14.607,74	220,64
27	01/06/2023	83.724.494.561	5.721.011,44	14.634,56	26,82
28	08/06/2023	84.723.361.005	5.721.419,33	14.808,10	173,54
29	15/06/2023	85.111.947.651	5.721.363,27	14.876,17	68,07
30	22/06/2023	86.827.997.023	5.718.885,58	15.182,68	306,51
31	29/06/2023	87.161.444.978	5.717.246,00	15.245,36	62,68
32	30/06/2023	87.040.277.632	5.717.623,73	15.223,16	(22,20)

- Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ 82.739.365.436
- Biến động NAV/1CCQ trong kỳ ở mức cao nhất 521,00
- Biến động NAV/1CCQ trong kỳ ở mức thấp nhất 0,01

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022</b>					
<b>Kỳ</b>	<b>Tại ngày tính NAV</b>	<b>Giá trị tài sản ròng (NAV) VND [1]</b>	<b>Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ [2]</b>	<b>NAV/ICCQ</b>	<b>Tăng/(giảm) NAV/ICCQ VND/CCQ</b>
				<b>tại ngày tính NAV VND/CCQ [3] = [1]/[2]</b>	
	31/12/2021	117.220.725.865	7.071.151,75	16.577,32	
1	06/01/2022	117.319.607.398	7.071.151,75	16.591,30	13,98
2	13/01/2022	114.331.970.986	7.073.788,26	16.162,76	(428,54)
3	20/01/2022	112.977.624.106	7.074.233,63	15.970,30	(192,46)
4	27/01/2022	112.730.007.430	7.075.163,27	15.933,20	(37,10)
5	31/01/2022	113.872.645.667	7.081.639,76	16.079,98	146,78
6	03/02/2022	113.872.416.450	7.081.639,76	16.079,95	(0,03)
7	10/02/2022	115.766.545.444	7.081.639,76	16.347,42	267,47
8	17/02/2022	115.967.446.371	7.082.231,98	16.374,42	27,00
9	24/02/2022	115.403.877.031	7.087.784,90	16.282,08	(92,34)
10	28/02/2022	116.141.035.326	7.088.034,40	16.385,51	103,43
11	03/03/2022	116.279.023.723	7.088.034,40	16.404,97	19,46
12	10/03/2022	115.879.927.444	7.088.673,25	16.347,20	(57,77)
13	17/03/2022	115.149.890.187	7.052.245,84	16.328,12	(19,08)
14	24/03/2022	117.026.778.785	7.051.467,91	16.596,09	267,97
15	31/03/2022	118.425.191.372	7.051.467,91	16.794,40	198,31
16	07/04/2022	119.337.049.902	7.047.574,18	16.933,07	138,67
17	14/04/2022	117.468.891.587	7.024.987,66	16.721,58	(211,49)
18	21/04/2022	113.563.659.459	7.024.574,09	16.166,63	(554,95)
19	28/04/2022	111.527.927.308	7.025.731,81	15.874,21	(292,42)
20	30/04/2022	112.088.675.936	7.022.688,37	15.960,94	86,73
21	05/05/2022	111.396.994.043	7.022.688,37	15.862,44	(98,50)
22	12/05/2022	103.979.704.779	7.024.981,58	14.801,42	(1.061,02)
23	19/05/2022	104.135.683.473	7.024.999,30	14.823,59	22,17
24	26/05/2022	106.327.949.824	7.019.668,87	15.147,15	323,56
25	31/05/2022	107.979.606.210	7.021.167,62	15.379,15	232,00
26	02/06/2022	107.345.680.788	7.021.167,62	15.288,86	(90,29)
27	09/06/2022	109.203.680.229	7.021.506,78	15.552,74	263,88
28	16/06/2022	104.620.011.212	7.021.136,43	14.900,72	(652,02)
29	23/06/2022	102.245.911.678	7.021.140,95	14.562,58	(338,14)
30	30/06/2022	102.655.028.433	7.016.206,98	14.631,13	68,55
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ</li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức cao nhất</li> <li>▪ Biến động NAV/ICCQ trong kỳ ở mức thấp nhất</li> </ul>				112.167.348.086 (1.061,02) (0,03)	



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**20. Các bên liên quan và các hợp đồng then chốt khác**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

**(i) Các bên liên quan**

Trong kỳ, Quỹ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

***Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt – Công ty Quản lý Quỹ***

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí dịch vụ quản lý Quỹ	492.434.368	565.436.991
Bán Chứng chỉ Quỹ		
<i>Số lượng Chứng chỉ Quỹ</i>	4.000	-
<i>Giá trị theo mệnh giá</i>	40.000.000	-
<i>Thặng dư vốn</i>	20.730.720	-

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được nhận phí dịch vụ quản lý Quỹ là 1,2% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá. Phí dịch vụ quản lý Quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá trong kỳ dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá. Số phí dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ là tổng số phí dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá đã thực hiện trong kỳ báo cáo trừ đi điều chỉnh (nếu có) vào cuối kỳ kế toán để đảm bảo tổng phí dịch vụ quản lý Quỹ và các phí khác mà Quỹ trả tuân thủ các quy định của pháp luật.

***Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ***

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2023</b>	<b>30/6/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phí môi giới	19.775.100	-
Thu nhập từ lãi trái phiếu	-	320.273.972

Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap là một trong các công ty chứng khoán có giao dịch với Quỹ và là đại lý phân phối chứng chỉ quỹ của Quỹ từ ngày 15 tháng 5 năm 2014 (ngày thành lập). Phí môi giới phải trả công ty chứng khoán được tính bằng 0,15% giá trị từng giao dịch mua bán chứng khoán.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Ngân hàng TMCP Bản Việt – bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Gửi tiền gửi và tái tục tiền gửi có kỳ hạn	13.000.000.000	76.297.159.717
Đáo hạn tiền gửi có kỳ hạn	5.548.093.998	69.647.406.173
Đáo hạn chứng chỉ tiền gửi	7.000.000.000	-
Thu nhập từ lãi tiền gửi	444.247.639	672.682.355
Thu nhập từ chứng chỉ tiền gửi	135.205.480	-
Phí ngân hàng	1.240.521	-

**Ban Đại diện Quỹ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	36.000.000

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong đó thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích trọng yếu. Thù lao cho thành viên Ban Đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo thu nhập.

**Tỷ lệ nắm giữ Chứng chỉ Quỹ mà các bên liên quan nắm giữ**

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/6/2023	31/12/2022
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu tư Chứng Khoán Bản Việt	Công ty Quản lý Quỹ	83,523%	83,309%
Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	6,920%	6,897%
Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Trưởng Ban Kiểm Soát	0,174%	0,173%
Nguyễn Thanh Tú	Thành viên Ban Kiểm Soát		
	Nội Bộ	0,186%	0,185%
Phạm Pho Hop	Tổng giám đốc	0,068%	-
Nguyễn Thị Ngọc Mỹ và các bên liên quan	Thành viên Ban Kiểm Soát	0,057%	0,144%
Khúc Thị Kiều và các bên liên quan	Kế Toán Trưởng	0,044%	0,044%
Phạm Gia Tuấn và các bên liên quan	Thành viên HĐQT	0,014%	0,014%
Bùi Thị Minh Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm Soát	0,024%	0,024%
		<b>91,010%</b>	<b>90,790%</b>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
 (Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
 ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

**(ii) Các hợp đồng then chốt khác**

**Giao dịch với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Ngân hàng Giám sát**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Thu nhập lãi	159.393.918	5.173.525
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán	120.000.000	120.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ	99.000.000	99.000.000
Phí dịch vụ giám sát	33.000.000	33.000.000
Phí giao dịch chứng khoán và xử lý hồ sơ	15.487.398	34.909.414
Phí ngân hàng	2.128.500	2.646.499

Theo Điều lệ Quỹ, Quỹ có nghĩa vụ phải thanh toán phí dịch vụ lưu ký, phí dịch vụ giám sát tài sản và phí dịch vụ quản trị quỹ hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát theo các mức phí cụ thể như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Lưu ký chứng khoán (không chịu VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,06% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức phí dịch vụ lưu ký tối thiểu là 20.000.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Quản trị Quỹ (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,03% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức phí dịch vụ quản trị quỹ tối thiểu là 16.500.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>
Giám sát (đã bao gồm VAT)	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,02% trên NAV mỗi năm;</li> <li>• Mức phí dịch vụ giám sát tối thiểu là 5.500.000 VND mỗi tháng.</li> </ul>

Các phí dịch vụ trên được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên NAV tại ngày trước ngày định giá và được trả hàng tháng. Số phí dịch vụ trả hàng tháng là tổng số phí dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Ngoài các phí dịch vụ trên, Quỹ còn phải thanh toán cho Ngân hàng Giám sát các chi phí liên quan đến việc thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ như sau:

Dịch vụ	Biểu phí
Giao dịch mua/bán chứng khoán	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,03% trên tổng giá trị giao dịch;</li> <li>• Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.</li> </ul>
Trái phiếu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 0,01% trên tổng giá trị giao dịch;</li> <li>• Mức phí giao dịch tối thiểu là 50.000 VND mỗi ngày có giao dịch thành công.</li> </ul>
Các khoản đầu tư khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>• 100.000 VND mỗi ngày phát sinh giao dịch.</li> </ul>

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**(b) Số dư với các bên liên quan**

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Quản lý Quỹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt</b>		
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		- 16.151.484.000
Phí dịch vụ quản lý quỹ phải trả	84.768.491	95.371.250
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang nắm giữ	4.775.533,44	4.779.533,44
Phải trả phí phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ	832.073	1.183.070
<b>Ngân hàng giám sát</b>		
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam –</b>		
<b>Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa</b>		
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ	1.905.114.637	16.164.663.074
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng	4.158.684.932	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng	1.500.000.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	47.130.464	56.986.301
Phí dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả	20.000.000	20.000.000
Phí dịch vụ quản trị Quỹ phải trả	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát Quỹ phải trả	5.500.000	5.500.000
Phí giao dịch chứng khoán phải trả	365.675	242.022
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Ngân hàng TMCP Bản Việt</b>		
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	13.000.000.000	5.548.093.998
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh		- 7.000.000.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	327.115.068	220.503.613
<b>Ban Đại diện Quỹ</b>		
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	16.200.000	16.200.000

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**21. Chỉ tiêu tài chính đánh giá hoạt động Quỹ mở**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
<b>I Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động đầu tư</b>		
1 Phí dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	1,19%	1,01%
2 Phí dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,42%	0,34%
3 Phí dịch vụ quản trị Quỹ, phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng và các phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/NAV của Quỹ trung bình trong kỳ (%)	0,40%	0,29%
4 Phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,17%	0,12%
5 Phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,09%	0,06%
6 Chi phí hoạt động/NAV trung bình trong kỳ (%)	2,28%	1,84%
7 Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/2/NAV trung bình trong kỳ (lần)	0,59	0,98

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

**Kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**30/6/2023                      30/6/2022**

**II Các chỉ tiêu khác**

**1 Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)**

Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành đầu kỳ	57.370.825.652	70.711.517.552
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ	5.737.082,56	7.071.151,75

**2 Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)**

Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ	31.615,97	48.890,90
Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá)	316.159.700	488.909.000
Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ	(51.074,80)	(103.835,67)
Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của Nhà đầu tư (theo mệnh giá)	(510.748.000)	(1.038.356.700)

**3 Quy mô Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá chứng chỉ quỹ)**

Tổng giá trị chứng chỉ quỹ đang lưu hành cuối kỳ	57.176.237.352	70.162.069.852
Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ	5.717.623,73	7.016.206,98

**4 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ**

**91,01%                      91,31%**

**5 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của 10 Nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ**

**95,43%                      96,36%**

**6 Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ**

**0,240%                      0,140%**

**7 Số Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ cuối kỳ**

**208                              155**

**8 NAV/đơn vị chứng chỉ quỹ cuối kỳ**

**15.223,16                      14.631,13**

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)

## **22. Quản lý rủi ro tài chính**

Các loại rủi ro mà Quỹ phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Quỹ có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Quỹ sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các cổ phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết và tiền gửi có kỳ hạn. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng mục tiêu đầu tư của Quỹ. Việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư được Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát giám sát hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

### **(a) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quỹ phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên đối tác của công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quỹ. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu.

Trạng thái rủi ro tín dụng tối đa mà Quỹ có thể phải chịu bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng, đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu.

Tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn của Quỹ được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết của Quỹ chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số xếp hạng tín nhiệm cụ thể. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết được thanh toán hoặc chi trả qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không được trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được tiền thanh toán, việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được phát hành bởi một doanh nghiệp uy tín. Ban Đại diện Quỹ cho rằng sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp này. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Quỹ không còn nắm giữ trái phiếu chưa niêm yết (31 tháng 12 năm 2022: không có).

Chứng chỉ tiền gửi được phát hành bởi tổ chức tín dụng có uy tín mà Ban Đại diện Quỹ đã phê duyệt và Công ty Quản lý Quỹ cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc không thực hiện nghĩa vụ của các tổ chức tín dụng này.

Các khoản phải thu phản ánh các khoản phải thu về bán các khoản đầu tư và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu này tại các ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<b>30/6/2023</b>	<b>31/12/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	3.405.114.637	16.164.663.074
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng	21.321.336.987	17.568.093.998
Chứng chỉ tiền gửi ghi danh	-	7.000.000.000
Phải thu về bán các khoản đầu tư	1.050.671.625	804.791.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	574.594.487	560.064.818
	<b>26.351.717.736</b>	<b>42.097.612.890</b>

**(b) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quỹ sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quỹ là đảm bảo Quỹ luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 chủ yếu là chứng khoán niêm yết và tiền gửi ngân hàng. Các chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quỹ có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quỹ thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quỹ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</b>	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền trước chiết khấu VND</b>	<b>Không quá 1 năm VND</b>
Phải trả để mua các khoản đầu tư	801.200	801.200	801.200
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	832.073	832.073	832.073
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334
Chi phí phải trả	90.583.566	90.583.566	90.583.566
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	1.000.000	1.000.000	1.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ Quỹ	1.850.677	1.850.677	1.850.677
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	138.134.166	138.134.166	138.134.166
	<b>233.609.016</b>	<b>233.609.016</b>	<b>233.609.016</b>



**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Giá trị ghi số VND	Dòng tiền trước chiết khấu VND	Không quá 1 năm VND
Phải trả để mua các khoản đầu tư	741.110	741.110	741.110
Phải trả cho các Đại lý phân phối			
Chứng chỉ Quỹ	1.183.070	1.183.070	1.183.070
Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334
Chi phí phải trả	103.200.000	103.200.000	103.200.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại			
Chứng chỉ Quỹ	16.192.576.580	16.192.576.580	16.192.576.580
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	148.613.272	148.613.272	148.613.272
	<b>16.446.721.366</b>	<b>16.446.721.366</b>	<b>16.446.721.366</b>

**(c) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Quỹ hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Quỹ nắm giữ.

**(i) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quỹ sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ là rất nhỏ vì tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết hưởng lãi suất cố định và có thời gian đáo hạn ngắn.

**(ii) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quỹ bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về tỷ giá hối đoái. Quỹ không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quỹ có gốc tiền tệ là VND cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quỹ.

**(iii) Rủi ro giá thị trường**

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số thị trường và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quỹ đầu tư chủ yếu vào chứng khoán niêm yết. Các chứng khoán niêm yết sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá thị trường của các chứng khoán niêm yết của Quỹ là 60.922.782.700 VND (31/12/2022: 51.879.766.700 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 11,23% (tỷ lệ thay đổi chỉ số VN-Index tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 so với ngày 31 tháng 12 năm 2022) với tất cả các biến số khác không thay đổi, giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ tăng hoặc giảm tương ứng là 6.841.628.497 VND.

**(d) Giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý là giá trị được xác định phù hợp với giá thị trường, có thể nhận được khi bán một tài sản hoặc chuyển nhượng một khoản nợ phải trả tại thời điểm xác định giá trị.

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quỹ:

	30/6/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo thu nhập:</i>				
▪ Cổ phiếu niêm yết	60.922.782.700	60.922.782.700	51.879.766.700	51.879.766.700
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba (03) tháng	21.321.336.987	21.321.336.987	17.568.093.998	17.568.093.998
<i>Được phân loại theo các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	3.405.114.637	3.405.114.637	16.164.663.074	16.164.663.074
▪ Phải thu về bán các khoản đầu tư	1.050.671.625	1.050.671.625	804.791.000	804.791.000
▪ Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	574.594.487	574.594.487	560.064.818	560.064.818
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính xác định theo giá trị phân bổ</i>				
▪ Phải trả để mua các khoản đầu tư	801.200	801.200	741.110	741.110
▪ Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ	832.073	832.073	1.183.070	1.183.070
▪ Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư	407.334	407.334	407.334	407.334

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
*(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC*  
*ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)*

	30/6/2023		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Chi phí phải trả	90.583.566	90.583.566	103.200.000	103.200.000
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	1.000.000	1.000.000	-	-
▪ Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	1.850.677	1.850.677	16.192.576.580	16.192.576.580
▪ Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ	138.134.166	138.134.166	148.613.272	148.613.272

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Quỹ sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền là số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của chứng chỉ tiền gửi là giá trị ghi sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày có giao dịch gần nhất của các cổ phiếu đó trước ngày định giá.
- Giá trị hợp lý của trái phiếu chưa niêm yết được xác định theo giá mua cộng lãi lũy kế.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính khác xấp xỉ giá trị ghi sổ của khoản mục đó do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

**23. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ**

Hoạt động kinh doanh của Quỹ không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ và chu kỳ.

**24. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có các thay đổi trọng yếu nào trong ước tính kế toán của Quỹ trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 so với ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hay báo cáo tài chính giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**25. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 ảnh hưởng đến Giá trị Tài sản ròng, Thu nhập thuần hoặc lưu chuyển tiền tệ của Quỹ.

**Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

**Mẫu B06g – QM**  
(Ban hành theo Thông tư số 198/2012/TT-BTC  
ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính)



**26. Các thay đổi trong cơ cấu của Quỹ**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Quỹ kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

**27. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2023 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Quỹ và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

**28. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt phát hành vào ngày 14 tháng 8 năm 2023.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Nhung  
Kế toán Quỹ

Người duyệt:

Bà Khúc Thị Kiều  
Kế toán trưởng

Ông Phạm Phò Hốp  
Tổng Giám đốc



